

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 0200106490 và lần đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 3 năm 2015 về giải thể 02 chi nhánh trực thuộc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.400.000.000.000 VND

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : (0313) 731 090
- Fax : (0313) 731 007

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang (*)	43A Bạch Đằng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Cung ứng Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

(*) Quyết định đóng cửa ngày 02 tháng 5 năm 2016 nhưng chưa hoàn thành thủ tục

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý sơn tàu biển, dầu nhớt; Đại lý phụ tùng, thiết bị chuyên ngành hàng hải; Đại lý bán vé máy bay; Môi giới mua bán tàu biển;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Điều hành tua du lịch;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên;
- Sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa đa phương thức, bao gồm: sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Môi giới hàng hải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Bán lẻ sơn tàu biển, dầu nhớt, phụ tùng, thiết bị hàng hải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy phục vụ cho ngành hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa container; Sửa chữa thiết bị container; Sửa chữa trang thiết bị vận tải./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Việt Hoài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2014
Ông Cao Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Việt Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Lâm Phúc Tú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Hồng Trường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Cao Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2013
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lâm Phúc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2010
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Bá Trường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Cao Minh Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

LABE
CHI
CƠ
HÀNH
TỔA
▲
TÀI
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc *[Signature]*



[Signature]
Cao Minh Tuấn

Ngày 31 tháng 8 năm 2016

15-
HẢI
:G T
EM H
V VÀ
& C
IA N
- T



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 8 năm 2016, từ trang 08 đến trang 51 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

PHỤ LỤC 1

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

Phó Giám đốc



Phạm Quang Huy

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-01

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		792.024.260.790	742.732.695.739
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	218.996.651.207	97.289.605.972
1.	Tiền	111		103.496.651.207	52.639.605.972
2.	Các khoản tương đương tiền	112		115.500.000.000	44.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	60.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	60.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		468.429.962.800	468.207.817.934
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	109.186.132.248	103.289.376.953
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	277.208.670.797	279.539.723.456
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	93.489.847.018	96.768.929.070
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.454.687.263)	(11.390.211.545)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140	V.7	96.905.415.129	115.129.915.732
1.	Hàng tồn kho	141		97.289.513.929	115.514.014.532
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(384.098.800)	(384.098.800)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		7.692.231.654	2.105.356.101
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.270.707.824	1.055.606.727
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		404.864.798	1.021.291.765
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	16.659.032	28.457.609
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.689.898.314.219	3.895.997.929.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.238.416.679	1.238.861.157
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.238.416.679	1.238.861.157
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.477.417.080.535	3.667.752.050.683
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.467.713.734.753	3.657.870.409.681
<i>Nguyên giá</i>	222		6.602.733.254.101	6.601.290.634.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.135.019.519.348)	(2.943.420.224.337)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.703.345.782	9.881.641.002
<i>Nguyên giá</i>	228		10.782.868.680	10.782.868.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.079.522.898)	(901.227.678)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	111.056.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	111.056.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		87.183.397.343	82.183.397.343
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	10.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	77.183.397.343	82.183.397.343
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		124.059.419.662	144.712.564.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	58.173.786.049	78.826.930.581
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	65.885.633.613	65.885.633.613
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.481.922.575.009	4.638.730.625.116

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		3.601.964.045.865	3.629.866.273.183
I. Nợ ngắn hạn	310		550.324.221.765	589.049.331.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	178.126.849.831	343.093.071.717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10.023.279.172	18.521.698.891
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	663.533.507	3.605.242.119
4. Phải trả người lao động	314		10.094.259.213	22.068.356.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	21.214.752	4.942.374
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.000.000	65.454.544
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	110.553.924.047	113.878.211.588
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	239.715.062.315	86.882.297.736
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.086.098.928	930.056.404
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.051.639.824.100	3.040.816.941.720
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	197.041.189.851	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	519.116.267.804	518.720.267.804
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	2.335.424.936.240	2.522.039.243.711
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		57.430.205	57.430.205
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		879.958.529.144	1.008.864.351.933
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	879.958.529.144	1.008.864.351.933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.777.018.739	1.777.018.739
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.285.240.000	6.285.240.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.081.124.721	28.081.124.721
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(571.828.688.447)	(443.199.825.394)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(443.464.495.120)	(443.199.825.394)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(128.364.193.327)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.643.834.131	15.920.793.867
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.481.922.575.009	4.638.730.625.116

Lập, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đỗ Thanh Thủy

Nguyễn Bá Trường

Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	683.928.922.990	792.640.217.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.809.959.323	1.497.937.096
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		680.118.963.667	791.142.280.164
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	704.035.263.852	804.476.778.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(23.916.300.185)	(13.334.497.852)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	19.459.317.032	4.506.140.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	80.469.493.778	122.942.576.493
Trong đó: chi phí lãi vay	23		67.176.385.671	72.031.968.545
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	18.031.310.222	22.932.874.887
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	32.797.578.949	35.500.944.017
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(135.755.366.102)	(190.204.752.475)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	10.509.725.642	4.545.651.325
13. Chi phí khác	32	VI.9	558.925.805	504.256.952
14. Lợi nhuận khác	40		9.950.799.837	4.041.394.373
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(125.804.566.265)	(186.163.358.102)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		720.000.000	584.930.324
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(126.524.566.265)</u>	<u>(186.748.288.426)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(128.364.193.327)</u>	<u>(187.780.950.097)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.839.627.062</u>	<u>1.032.661.671</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(917)</u>	<u>(1.341)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>(917)</u>	<u>(1.341)</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Thủy



Nguyễn Bá Trường



lập ngày 31 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc

Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(125.804.566.265)	(186.163.358.102)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	192.267.302.689	192.122.048.393
- Các khoản dự phòng	03	64.475.718	488.713.750
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.867.173.641)	36.585.144.176
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.720.483.912)	(2.787.496.977)
- Chi phí lãi vay	06	67.176.385.671	72.031.968.545
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.115.940.260	112.277.019.785
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(884.998.785)	7.593.303.562
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.224.500.603	38.126.897.370
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(34.733.347.581)	(34.407.643.669)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14.438.043.435	11.607.169.686
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.871.982.948)	(34.125.244.970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(989.703.664)	(1.421.670.509)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.300.000	6.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(189.200.000)	(445.267.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.111.551.320	99.210.564.255
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.676.125.508)	(950.282.675)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.317.026.509	2.099.711.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	67.640.901.001	(28.850.570.802)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.18	47.708.584.562	31.916.054.759
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.18	(66.620.695.419)	(206.997.601.306)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.197.536.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(18.912.110.857)</i>	<i>(176.279.082.547)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	121.840.341.464	(105.919.089.094)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	97.289.605.972	200.306.851.900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(133.296.229)	56.743.937
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	218.996.651.207	94.444.506.743

Lập, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là vận tải, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container. Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 06 tháng 5 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 205/QĐ- Vosco về việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco. Theo đó, tất cả các tài sản, nợ phải trả được chuyển sang Công ty mẹ theo dõi và tiếp tục thực hiện.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco (*)	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sửa chữa tàu biển, cung cấp dịch vụ hàng hải	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải, logistics	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Thương mại	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Số 69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ, đường bộ	100%	100%	100%	100%

(*) Quyết định chấm dứt hoạt động ngày 06 tháng 5 năm 2016 nhưng chưa hoàn thành thủ tục.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.057 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.112 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

AG
TH
CỔ
PH
+ T
/ G
/ T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Ngân hàng nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Ngân hàng nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là vật liệu, công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ của những năm trước được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian phân bổ cho các khoản lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của những năm trước được ghi nhận vào chi phí với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm qui định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa sà lan

Chi phí sửa chữa sà lan phát sinh định kỳ, được phân bổ theo thời gian theo quy định của cơ quan đăng kiểm là 30 tháng.

Chi phí công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Công văn số 14936/TC-TCDN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 - 04 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ củakỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	484.578.864	576.135.198
Tiền gửi ngân hàng	103.012.072.343	52.063.470.774
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	115.500.000.000	44.650.000.000
Cộng	<u>218.996.651.207</u>	<u>97.289.605.972</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	10.000.000.000	
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư		
Cộng	10.000.000.000	

Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Virgo Nha Trang bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại số 17 đường Biệt thự, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Giá trị góp vốn theo Biên bản họp cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Virgo Nha Trang ngày 25 tháng 01 năm 2016 là 10.000.000.000 VND, tương đương 31,25% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Virgo Nha Trang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	73.648.455.343	73.648.455.343	73.648.455.343	73.648.455.343
Công ty Cổ phần Hàng hải SSV	3.399.942.000	3.399.942.000	3.399.942.000	3.399.942.000
Trường Cao đẳng nghề Hàng Hải Vinalines			5.000.000.000	5.000.000.000
Quỹ hỗ trợ phát triển	135.000.000	135.000.000	135.000.000	135.000.000
Cộng	77.183.397.343	77.183.397.343	82.183.397.343	82.183.397.343

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	12.028.393.238	12.028.393.238
Công nợ phải thu của Công TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin đang chờ hoàn thiện thủ tục để bù trừ với nợ phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	12.028.393.238	12.028.393.238
Phải thu các khách hàng khác	97.157.739.010	91.260.983.715
Swift Shipping Company Ltd	4.886.796.294	
Công ty TNHH Thương mại TPK	8.296.950.072	
Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long		4.030.967.791
Các khách hàng khác	83.973.992.644	87.230.015.924
Cộng	109.186.132.248	103.289.376.953

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Nam Triệu	256.655.705.789	256.655.705.789
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	20.023.303.690	20.023.303.690
Các nhà cung cấp khác	529.661.318	2.860.713.977
Cộng	277.208.670.797	279.539.723.456

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	74.032.818.962		74.032.818.962	
Công nợ phải thu của Công TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin đang chờ hoàn thiện thủ tục để bù trừ với nợ phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	74.032.818.962		74.032.818.962	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.457.028.056		22.736.110.108	
Tiền ăn các tàu vay	3.272.798.153		2.516.580.623	
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	81.730.901		8.984.000	
Tiền bồi thường bảo hiểm	6.661.768.518		5.558.573.485	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	228.222.222		1.404.224.445	
Bảo hành tàu Vosco Sunrise	3.338.094.929		3.338.094.929	
Thuế TNCN còn phải thu nhân viên	852.292.088		782.417.278	
Kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	3.230.795.641		3.230.840.495	
Nhiên liệu tàu thuê ngoài			1.891.715.936	
Tạm ứng	648.408.000		522.743.384	
Thù lao Hội đồng quản trị	227.000.000		533.000.000	
Quỹ ốm đau thai sản	20.892.800		43.967.200	
Ước doanh thu năm 2015			2.111.564.556	
Phải thu thù lao người lao động của SSV			10.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	895.024.804		783.403.777	
Cộng	93.489.847.018		96.768.929.070	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Vinashinlines	Trên 3 năm	4.246.419.923		4.246.419.923	
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Hạ Long	Trên 3 năm	1.561.929.757		1.761.929.757	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	Dưới 1 năm			823.915.224	
	Từ 1 đến 2 năm	1.682.835.055		1.465.772.971	
	Từ 2 đến 3 năm	898.692.765		1.204.521.195	
	Trên 3 năm	1.026.206.575		557.342.605	
Phải thu các tổ chức khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	3.800.705.075		4.147.089.843	
Cộng		13.216.789.150		14.206.991.518	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.390.211.545	10.367.470.875
Trích lập dự phòng bổ sung	731.155.761	459.282.520
Hoàn nhập dự phòng	(666.680.043)	(6.534.770)
Số cuối kỳ	11.454.687.263	10.820.218.625

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	74.093.581.459		84.236.343.689	
Công cụ, dụng cụ	167.598.297		243.508.501	
Hàng hóa	23.028.334.173	(384.098.800)	31.034.162.342	(384.098.800)
Cộng	97.289.513.929	(384.098.800)	115.514.014.532	(384.098.800)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	384.098.800	202.321.212
Trích lập dự phòng bổ sung		35.966.000
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	384.098.800	238.287.212

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm P&I	6.339.527.151	788.824.550
Chi phí bảo hiểm vỏ container	57.533.000	185.657.000
Chi phí bảo hiểm xe cơ giới		6.482.590
Chi phí bảo hiểm FD&D	268.216.000	55.976.000
Chi phí bảo hiểm hàng tồn kho	15.955.640	5.325.000
Chi phí bảo hiểm sà lan	2.135.399	8.541.587
Chi phí trả trước phí Internet		4.800.000
Chi phí đăng kiểm đà tàu	439.888.276	
Chi phí sửa chữa sà lan	110.586.523	
Chi phí công cụ dụng cụ	36.865.835	
Cộng	<u>7.270.707.824</u>	<u>1.055.606.727</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản và các tàu lên đà	46.882.975.538	56.297.948.899
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.210.130.535	22.420.261.069
Chi phí sửa chữa sà lan, xe ô tô	80.679.976	106.157.860
Công cụ dụng cụ		2.562.753
Cộng	<u>58.173.786.049</u>	<u>78.826.930.581</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	29.964.041.424	91.990.917.003	6.470.793.369.823	8.480.465.213	61.840.555	6.601.290.634.018
Mua sắm trong kỳ	229.911.795		1.902.915.788	108.500.000		2.241.327.583
Giảm khác	(798.707.500)					(798.707.500)
Số cuối kỳ	29.395.245.719	91.990.917.003	6.472.696.285.611	8.588.965.213	61.840.555	6.602.733.254.101
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			439.759.078.691	8.103.216.122	61.840.555	447.924.135.368
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	14.190.628.625	60.917.296.660	2.859.919.074.751	8.331.383.746	61.840.555	2.943.420.224.337
Khấu hao trong kỳ	585.424.692	4.627.662.522	186.825.205.992	50.714.263		192.089.007.469
Giảm khác	(489.712.458)					(489.712.458)
Số cuối kỳ	14.286.340.859	65.544.959.182	3.046.744.280.743	8.382.098.009	61.840.555	3.135.019.519.348
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.773.412.799	31.073.620.343	3.610.874.295.072	149.081.467		3.657.870.409.681
Số cuối kỳ	15.108.904.860	26.445.957.821	3.425.952.004.868	206.867.204		3.467.713.734.753
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.203.359.521.770 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.041.668.680	741.200.000	10.782.868.680
Mua trong kỳ			
Giảm khác			
Số cuối kỳ	10.041.668.680	741.200.000	10.782.868.680
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		92.400.000	92.400.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	593.997.827	307.229.851	901.227.678
Khấu hao trong kỳ	80.966.058	97.329.162	178.295.220
Giảm khác			
Số cuối kỳ	674.963.885	404.559.013	1.079.522.898
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.447.670.853	433.970.149	9.881.641.002
Số cuối kỳ	9.366.704.795	336.640.987	9.703.345.782
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	111.056.000			(111.056.000)	
<i>Công trình nhà làm việc chi nhánh Nha Trang</i>	<i>111.056.000</i>			<i>(111.056.000)</i>	
Cộng	111.056.000			(111.056.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.881.630.879				14.881.630.879
<i>Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ</i>	<i>14.881.630.879</i>				<i>14.881.630.879</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng ⁽ⁱ⁾	51.004.002.734				51.004.002.734
Cộng	65.885.633.613				65.885.633.613

(i) Chi tiết lỗ tính thuế đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

Năm 2012	30.931.712.285
Năm 2013	200.904.663.781
Cộng	231.836.376.066

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cockett Marine Oil	6.279.550.600	7.985.172.017
Fratelli Cosulich Bunkers Ltd	12.462.565.145	20.509.001.020
Công ty TNHH Shell Việt Nam	10.952.624.913	20.070.024.461
Công ty TNHH Sơn bột tĩnh điện Akzo	6.097.840.485	9.832.720.323
Các nhà cung cấp khác	142.334.268.688	284.696.153.896
Cộng	178.126.849.831	343.093.071.717

13b. Phải trả người bán dài hạn

Là lãi vay phải trả dài hạn.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Luois Dreyfus	1.478.052.882	4.922.619.328
Seatrek	1.036.112.538	
Bunge		2.310.868.969
Chinese Polish	2.053.232.664	2.241.360.982
Các khách hàng khác	5.455.881.088	9.046.849.612
Cộng	10.023.279.172	18.521.698.891

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Giảm khác	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	920.398.575		1.061.960.770	1.674.548.449		307.810.896	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.808.110.148	1.808.110.148			
Thuế xuất, nhập khẩu			555.348.799	555.348.799			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	539.703.664	20.819.326	720.000.000	989.703.664	(10.338.744)	270.000.000	10.480.582
Thuế thu nhập cá nhân	205.523.674	7.638.283	630.248.857	757.416.524		76.896.174	6.178.450
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.836.201.000		2.208.082.445	4.044.283.445			
Các loại thuế khác	77.841.842		1.242.271.000	1.320.112.842			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	25.573.364		89.890.341	106.637.268		8.826.437	
Cộng	3.605.242.119	28.457.609	8.315.912.360	11.256.161.139	(10.338.744)	663.533.507	16.659.032

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước	10%
Cung cấp nước sinh hoạt	5%
Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo quy định tại hợp đồng thuê đất và theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	77.651.918.117	77.651.918.117
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Phải trả về cổ phần hóa	10.451.918.117	10.451.918.117
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Cổ tức phải trả	67.200.000.000	67.200.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	32.902.005.930	36.226.293.471
Kinh phí công đoàn	1.311.937.924	1.175.328.412
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.370.525.870	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.726.000	3.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	8.970.000	8.970.000
Phải trả hộ phí dịch vụ tàu		674.163.216
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.758.561.195	4.750.247.195
Thuế TNCN của người lao động chưa quyết toán	12.310.180.907	11.805.399.675
Doanh thu vận tải tính cho năm sau		7.987.018.424
Cược vỏ container	2.935.000.000	2.713.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.164.104.034	7.109.166.549
Cộng	110.553.924.047	113.878.211.588

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise)	516.672.201.784	516.672.201.784
Nhiên liệu bàn giao tàu (Lucky Star, Blue Star)	1.000.066.020	1.000.066.020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.444.000.000	1.048.000.000
Cộng	519.116.267.804	518.720.267.804

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.648.666.855	7.296.167.700
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng	1.000.000.000	4.500.000.000
Vay thấu chi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	7.648.666.855	2.796.167.700
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	231.066.395.460	79.586.130.036
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	200.799.694.320	79.586.130.036
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	30.266.701.140	
Cộng	239.715.062.315	86.882.297.736
Trong đó: Gốc vay bằng USD	10.343.169,00	3.529.788,00
Gốc vay bằng VND	8.648.666.855	7.296.167.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Tổng cộng
Số đầu năm	7.296.167.700	79.586.130.036	86.882.297.736
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	47.708.584.562		47.708.584.562
Kết chuyển từ vay dài hạn		151.480.265.424	151.480.265.424
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(46.356.085.407)		(46.356.085.407)
Số cuối năm	8.648.666.855	231.066.395.460	239.715.062.315

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.335.424.936.240	2.522.039.243.711
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	843.592.000.000	844.092.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.184.156.072.940	1.337.967.096.109
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ⁽ⁱⁱⁱ⁾	118.150.000.000	118.150.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(iv)	189.526.863.300	221.830.147.602
Cộng	2.335.424.936.240	2.522.039.243.711
<i>Trong đó: Gốc vay bằng USD</i>	<i>61.489.836,00</i>	<i>69.179.813,00</i>
<i>Gốc vay bằng VND</i>	<i>961.742.000.000</i>	<i>962.242.000.000</i>

(i) Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002, 2006 và Hợp đồng vay số 02/2011/HĐTĐĐT - NHPT ngày 30 tháng 01 năm 2011 của dự án đầu tư tàu Vosco Sunrise, tổng số tiền vay 555 tỷ VND, thời hạn vay tối đa là 180 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 9,6%/năm, thời hạn trả nợ là 156 tháng, được bảo đảm bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai.

(ii) Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng:

- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 32 triệu USD để mua tàu chở dầu Đại Nam, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất Libor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu Đại Minh, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất Libor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Fortune Freighter.
- Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.
- Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, thời hạn vay đến năm 2023, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Fortune Navigator.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Số 112.2009.HĐTD ngày 24/08/2009, số tiền vay 125,67 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay đến năm 2022, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng từ 2%/năm đến 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).

- Số 237.2009.HĐTD ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay đến năm 2022, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng từ 2%/năm đến 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu Vosco Sky trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất 6%/năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Vĩnh An và tàu Vĩnh Hưng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	231.066.395.460	79.586.130.036
Trên 1 năm đến 5 năm	1.668.836.136.240	1.503.814.023.711
Trên 5 năm	666.588.800.000	1.018.225.220.000
Cộng	2.566.491.331.700	2.601.625.373.747

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.522.039.243.711	2.728.665.223.384
Chênh lệch đánh giá lại số dư cuối kỳ	(14.869.432.035)	36.515.102.433
Số tiền vay đã trả	(20.264.610.012)	(93.951.308.417)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(151.480.265.424)	(71.263.297.560)
Số cuối kỳ	2.335.424.936.240	2.599.965.719.840

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	930.056.404	1.092.368.091
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	342.942.524	547.005.313
Tăng khác	2.300.000	6.000.000
Chi quỹ	(189.200.000)	(445.267.000)
Số cuối kỳ	1.086.098.928	1.200.106.404

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá tạm thời không chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	1.777.018.739	4.467.600.000	29.085.792.457	(144.035.312.857)	15.426.611.055	1.306.721.709.394
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận tại công ty con			1.817.640.000	(626.948.801)	(1.190.691.199)		
Lợi nhuận trong năm trước					(297.905.968.121)	1.871.455.973	(296.034.512.148)
Trích lập các quỹ trong năm nay				164.812.391	(553.468.543)	(158.349.161)	(547.005.313)
Chia cổ tức						(1.164.240.000)	(1.164.240.000)
Thù lao Hội đồng quản trị					(56.916.000)	(54.684.000)	(111.600.000)
Tăng giảm khác				(542.531.326)	542.531.326		
Số dư cuối năm trước	<u>1.400.000.000.000</u>	<u>1.777.018.739</u>	<u>6.285.240.000</u>	<u>28.081.124.721</u>	<u>(443.199.825.394)</u>	<u>15.920.793.867</u>	<u>1.008.864.351.933</u>
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	1.777.018.739	6.285.240.000	28.081.124.721	(443.199.825.394)	15.920.793.867	1.008.864.351.933
Lợi nhuận trong kỳ này					(128.364.193.327)	1.839.627.062	(126.524.566.265)
Trích lập các quỹ tại các Công ty con					(264.669.726)	(108.272.798)	(372.942.524)
Chia cổ tức						(2.008.314.000)	(2.008.314.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>1.400.000.000.000</u>	<u>1.777.018.739</u>	<u>6.285.240.000</u>	<u>28.081.124.721</u>	<u>(571.828.688.447)</u>	<u>15.643.834.131</u>	<u>879.958.529.144</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	714.000.000.000	714.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	686.000.000.000	686.000.000.000
Cộng	<u>1.400.000.000.000</u>	<u>1.400.000.000.000</u>

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	140.000.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**22a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	3.437.678,35	1.140.347,85
Euro (EUR)	753.904,65	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	79.394.839.338	60.815.306.494
Doanh thu cung cấp dịch vụ	604.534.083.652	731.824.910.766
Cộng	<u>683.928.922.990</u>	<u>792.640.217.260</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là các khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	66.161.328.208	50.296.917.799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	637.873.935.644	754.143.894.217
Dự phòng dự phòng giảm giá hàng tồn kho		35.966.000
Cộng	<u>704.035.263.852</u>	<u>804.476.778.016</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.890.145.366	2.787.496.977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.389.588	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.448.268.320	1.674.927.929
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.870.513.758	43.715.868
Cộng	19.459.317.032	4.506.140.774

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	67.176.385.671	72.031.968.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.289.745.535	14.281.744.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.340.117	36.628.860.044
Chi phí tài chính khác	22.455	2.954
Cộng	80.469.493.778	122.942.576.493

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.681.658.845	1.661.196.460
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng	240.851.372	294.298.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.873.482	223.873.482
Chi phí sửa chữa	106.241.145	13.787.418
Chi phí quảng cáo	163.609.000	162.683.000
Chi phí hoa hồng và môi giới	11.306.681.540	16.878.832.434
Các chi phí khác	4.308.394.838	3.698.203.504
Cộng	18.031.310.222	22.932.874.887

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	19.786.626.790	22.303.492.395
Chi phí vật liệu quản lý	674.717.261	770.278.041
Chi phí đồ dùng văn phòng	320.375.500	361.280.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	670.883.803	608.744.220
Thuế, phí và lệ phí	2.892.537.896	3.045.787.873
Chi phí dự phòng	64.475.718	452.747.750
Chi phí sửa chữa	58.127.019	201.204.733

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí điện nước	540.301.955	515.525.938
Chi phí thông tin	430.520.155	439.724.747
Chi phí hội nghị, tiếp khách	2.247.752.236	1.767.644.811
Chi phí đào tạo	26.534.890	26.767.187
Công tác phí, tàu xe đi phép	940.749.723	1.386.869.733
Các chi phí khác	4.143.976.003	3.620.875.875
Cộng	32.797.578.949	35.500.944.017
8. Thu nhập khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi do đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty liên kết	9.691.004.958	
Thu bồi thường bảo hiểm	167.147.000	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		3.766.270.000
Tiền hỗ trợ bán hàng trên doanh thu đại lý bán sơn	311.677.064	372.996.119
Tiền hỗ trợ bán hàng trên doanh thu bán dầu	131.869.492	257.615.137
Thu nhập khác	208.027.128	148.770.069
Cộng	10.509.725.642	4.545.651.325
9. Chi phí khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí khuyến khích khách hàng	209.167.500	439.473.444
Chi phí khảo sát tư vấn thiết kế làm hồ sơ dự án nhà 17 biệt thự Nha Trang	159.931.000	
Chi phí khác	189.827.305	64.783.508
Cộng	558.925.805	504.256.952
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(128.364.193.327)	(187.780.950.097)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(128.364.193.327)	(187.780.950.097)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	140.000.000	140.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(917)	(1.341)

04
NH
TY
HUU
TU
C
HỘI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	140.000.000	140.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	140.000.000	140.000.000

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.947.219.964	325.038.583.887
Chi phí nhân công	77.552.936.633	94.492.358.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.267.302.689	192.122.048.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.949.139.233	220.313.193.568
Chi phí khác	43.147.554.504	30.944.412.231
Cộng	754.864.153.023	862.910.596.920

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Tập đoàn đã góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Virgo Nha Trang bằng các tài sản cố định trị giá 10.000.000.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	2.095.890.000	2.033.351.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Virgo Nha Trang	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển.
- Lĩnh vực Thương mại và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	562.200.011.187	117.918.952.480	680.118.963.667
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	562.200.011.187	117.918.952.480	680.118.963.667
Chi phí bộ phận	641.948.830.528	112.915.322.495	754.864.153.023
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(79.748.819.341)	5.003.629.985	(74.745.189.356)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(79.748.819.341)	5.003.629.985	(74.745.189.356)
Doanh thu hoạt động tài chính	19.131.993.330	327.323.702	19.459.317.032
Chi phí tài chính	79.984.799.550	484.694.228	80.469.493.778
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
Thu nhập khác	9.912.538.225	597.187.417	10.509.725.642
Chi phí khác	179.073.585	379.852.220	558.925.805
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		720.000.000	720.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(130.868.160.921)	4.343.594.656	(126.524.566.265)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20.117.350.057		20.117.350.057
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	218.600.122.002	986.217.159	219.586.339.161
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	6.198.721.129	64.475.718	6.263.196.847
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	708.119.882.987	83.022.397.177	791.142.280.164
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	708.119.882.987	83.022.397.177	791.142.280.164
Chi phí bộ phận	781.594.450.211	81.316.146.709	862.910.596.920
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(73.474.567.224)	1.706.250.468	(71.768.316.756)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(73.474.567.224)	1.706.250.468	(71.768.316.756)
Doanh thu hoạt động tài chính	4.191.644.267	314.496.507	4.506.140.774
Chi phí tài chính	122.139.386.845	803.189.648	122.942.576.493
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
Thu nhập khác	3.859.973.150	685.678.175	4.545.651.325
Chi phí khác	21.337.508	482.919.444	504.256.952
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		584.930.324	584.930.324
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(187.583.674.160)	835.385.734	(186.748.288.426)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22.111.576.421	1.540.000	22.113.116.421
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	217.657.512.565	1.002.580.570	218.660.093.135
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	11.210.130.539	452.747.750	11.662.878.289

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.205.696.160.171	123.157.383.882	4.328.853.544.053
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	153.069.030.956		153.069.030.956
Tổng tài sản			4.481.922.575.009
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.538.940.655.394	61.937.291.543	3.600.877.946.937
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	1.086.098.928		1.086.098.928
Tổng nợ phải trả			3.601.964.045.865
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.375.332.973.875	115.328.620.285	4.490.661.594.160
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	148.069.030.956		148.069.030.956
Tổng tài sản			4.638.730.625.116
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.566.280.595.171	62.655.621.608	3.628.936.216.779
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	930.056.404		930.056.404
Tổng nợ phải trả			3.629.866.273.183

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	346.252.378.595	241.609.166.867
Khu vực nước ngoài	333.866.585.072	549.533.113.297
Cộng	680.118.963.667	791.142.280.164

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	10.241.855.735	6.753.186.840	2.203.843.616.029	1.410.599.356.219
Khu vực nước ngoài	9.875.494.322	15.359.929.581	2.125.009.928.024	3.208.367.736.580
Cộng	20.117.350.057	22.113.116.421	4.328.853.544.053	4.618.967.092.799

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.996.651.207				218.996.651.207
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Phải thu khách hàng	97.731.444.985			11.454.687.263	109.186.132.248
Các khoản phải thu khác	92.411.699.245				92.411.699.245
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	77.183.397.343				77.183.397.343
Cộng	486.323.192.780			11.454.687.263	497.777.880.043
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.289.605.972				97.289.605.972
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.000.000.000				60.000.000.000
Phải thu khách hàng	91.899.165.408			11.390.211.545	103.289.376.953
Các khoản phải thu khác	95.580.765.201				95.580.765.201
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343				82.183.397.343
Cộng	426.952.933.924			11.390.211.545	438.343.145.469

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	178.126.849.831	197.041.189.851		375.168.039.682
Vay và nợ	239.715.062.315	1.668.836.136.240	666.588.800.000	2.575.139.998.555
Các khoản phải trả khác	95.582.494.098	519.116.267.804		614.698.761.902
Cộng	513.424.406.244	2.384.993.593.895	666.588.800.000	3.565.006.800.139
Số đầu năm				
Phải trả người bán	343.093.071.717			343.093.071.717
Vay và nợ	86.882.297.736	1.503.814.023.711	1.018.225.220.000	2.608.921.541.447
Các khoản phải trả khác	92.906.437.451	518.720.267.804		611.626.705.255
Cộng	522.881.806.904	2.022.534.291.515	1.018.225.220.000	3.563.641.318.419

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu, hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu, hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế, vay vốn Ngân hàng phục vụ hoạt động kinh doanh và mua mới tàu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.437.678,35	753.904,65	1.140.347,85	
Phải thu khách hàng	635.356,88		748.708,51	
Các khoản phải thu khác	314.099,63		264.479,06	
Vay và nợ	(71.833.005,00)		(72.709.601,00)	
Phải trả người bán	(3.054.381,97)		(2.382.667,68)	
Các khoản phải trả khác	(182.597,19)		(131.780,92)	
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(70.682.849,30)	753.904,65	(73.070.514,18)	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 31.587.239.056 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm/tăng 25.701.325.777 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	115.500.000.000		44.650.000.000	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			60.000.000.000	
Vay và nợ	(126.798.666.855)	(59.833.005,00)	(125.446.167.700)	(72.709.601,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(11.298.666.855)	(59.833.005,00)	(20.796.167.700)	(72.709.601,00)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 112.986.669 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm/tăng 324.420.216 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.683.346.659 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm/tăng 12.787.190.315 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ. Các khoản đầu tư của Tập đoàn đều là dài hạn, nhằm mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.996.651.207		97.289.605.972		218.996.651.207	97.289.605.972
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			60.000.000.000			60.000.000.000
Phải thu khách hàng	109.186.132.248	(11.454.687.263)	103.289.376.953	(11.390.211.545)	97.731.444.985	91.899.165.408
Các khoản phải thu khác	92.411.699.245		95.580.765.201		92.411.699.245	95.580.765.201
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	77.183.397.343		82.183.397.343		77.183.397.343	82.183.397.343
Cộng	497.777.880.043	(11.454.687.263)	438.343.145.469	(11.390.211.545)	486.323.192.780	426.952.933.924

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	375.168.039.682	343.093.071.717	375.168.039.682
Vay và nợ	2.575.139.998.555	2.608.921.541.447	2.575.139.998.555	2.608.921.541.447
Các khoản phải trả khác	614.698.761.902	611.626.705.255	614.698.761.902	611.626.705.255
Cộng	3.565.006.800.139	3.563.641.318.419	3.565.006.800.139	3.563.641.318.419

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị số sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thanh Thủy

Nguyễn Bá Trường

Cao Minh Tuấn